

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

- Trường trung học phổ thông (THPT) Trần Quang Khải.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: 343D Lạc Long Quân, Phường 05, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 39753998

- Website: <https://thpttranquangkhai.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình: Trường THPT Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh: Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng một môi trường học tập đảm bảo nề nếp, kỷ cương với bầu không khí tự do, dân chủ, lành mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đủ tự tin, có khả năng hội nhập vào xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa sau khi hoàn thành bậc trung học phổ thông;

4.2. Tầm nhìn: Đến năm 2025, Trường THPT Trần Quang Khải là ngôi trường thân thiện, tiên tiến dân tiếp cận hướng hiện đại, là nơi tạo điều kiện phát triển tối đa năng lực cá nhân, là cộng đồng những học sinh có ý thức trách nhiệm với gia đình và xã hội.

4.3. Mục tiêu:

Mục tiêu chung: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Mục tiêu riêng: Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông. Biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo, biết cách học và tự học. Có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ. Có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được thành lập theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại địa chỉ số 343D Lạc Long Quân P5 Q11, thành phố Hồ Chí Minh. Trường được đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất mới, khang trang, hiện đại trên diện tích 8.955,8 m², với 54 phòng học trong đó có 1 phòng thí nghiệm Lý, 1 phòng thí nghiệm Hóa, 1 phòng thí nghiệm Sinh, 01 phòng nghe nhìn, 04 phòng vi tính, 1 phòng dạy STEM, 01 phòng truyền thống, nhiều phòng làm việc khác: Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, giám thị, phòng nghỉ giáo viên..., nhà trường có đủ điều kiện để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, hiệu quả, trường học hạnh phúc.

Trường bắt đầu hoạt động từ năm học 2007 với 18 lớp 10, đến nay, năm học 2024-2025, trường đã có đầy đủ 03 khối lớp, với số lớp là 55 (Khối 10: 19 lớp, Khối 11: 20 lớp; khối 12: 16 lớp) với tổng số học sinh 2504 em, trung bình 48 học sinh/lớp.

Tổng số đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường đến thời điểm hiện tại là 135, trong đó có 03 cán bộ quản lý (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng), có 109 giáo viên và 23 nhân viên; 100% giáo viên đạt chuẩn (trong đó 110 giáo viên là giáo viên THPT Hạng III).

Trường có đủ các tổ chức theo quy định, Chi bộ có 39 đảng viên, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Y tế. Trường có 13 tổ chuyên môn (Tổ Toán, Lý, Hoá, Sinh, Tin, Công nghệ, Văn, Sử, Giáo dục công dân, Địa, Tiếng Anh, Thể dục, Giáo dục Quốc phòng) và 01 tổ văn phòng.

Số lớp và số học sinh của 6 năm gần nhất:

Stt	Số lớp	Số học sinh	Năm học
1	54	2394	2019-2020
2	54	2422	2020-2021
3	52	2310	2021-2022
4	52	2223	2022-2023
5	53	2359	2023-2024
6	55	2504	2024-2025

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ tên: Nguyễn Tấn Tài

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 343D Lạc Long Quân, Phường 05, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0909812116

E-mail: tantaipvs@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được thành lập theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại địa chỉ số 343D Lạc Long Quân P5 Q11, thành phố Hồ Chí Minh

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 3403/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường của trường THPT Trần Quang Khải nhiệm kỳ 2020-2025;

Danh sách các thành viên của Hội đồng trường (kèm theo quyết định số 3403/QĐ-SGDĐT ngày 13/10/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn Tấn Tài	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Thành viên
2	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Phan Khôi Long	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Hữu Tú	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
5	Nguyễn Mai Trường Thọ	Trợ lý thanh niên	Thành viên
6	Dương Đình Dẫn	Tổ phó văn phòng	Thành viên
7	Trần Thị Hồng Oanh	Tổ trưởng chuyên môn Toán	Thành viên
8	Võ Trọng Luân	Tổ trưởng chuyên môn Ngữ văn	Thành viên
9	Nguyễn Thị Thanh	Tổ trưởng chuyên môn Sinh học	Thành viên
10	Nguyễn Châu Thanh Phương	Tổ trưởng chuyên môn Tin học	Thành viên
11	Phạm Thị Thanh Ngoan	Tổ trưởng chuyên môn GD KT&PL	Thành viên
12	Dương Thị Kim Hồng	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
13	Ngô Thị Hải Yến	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Phường 5, Quận	Thành viên
14	Đặng Sỹ Ngân	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
15	Đỗ Nguyễn Tường Duy	Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định 2879/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về điều động, luân chuyển, bổ nhiệm viên chức quản lý.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định 495/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm viên chức quản lý.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định 1111/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 06 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

7.1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THPT Trần Quang Khải

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được thành lập theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại địa chỉ số 343D Lạc Long Quân P5 Q11, thành phố Hồ Chí Minh;

Trường THPT Trần Quang Khải là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống giáo dục quốc dân (GDQD), cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục;

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo;

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội;

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật;

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật;

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật;

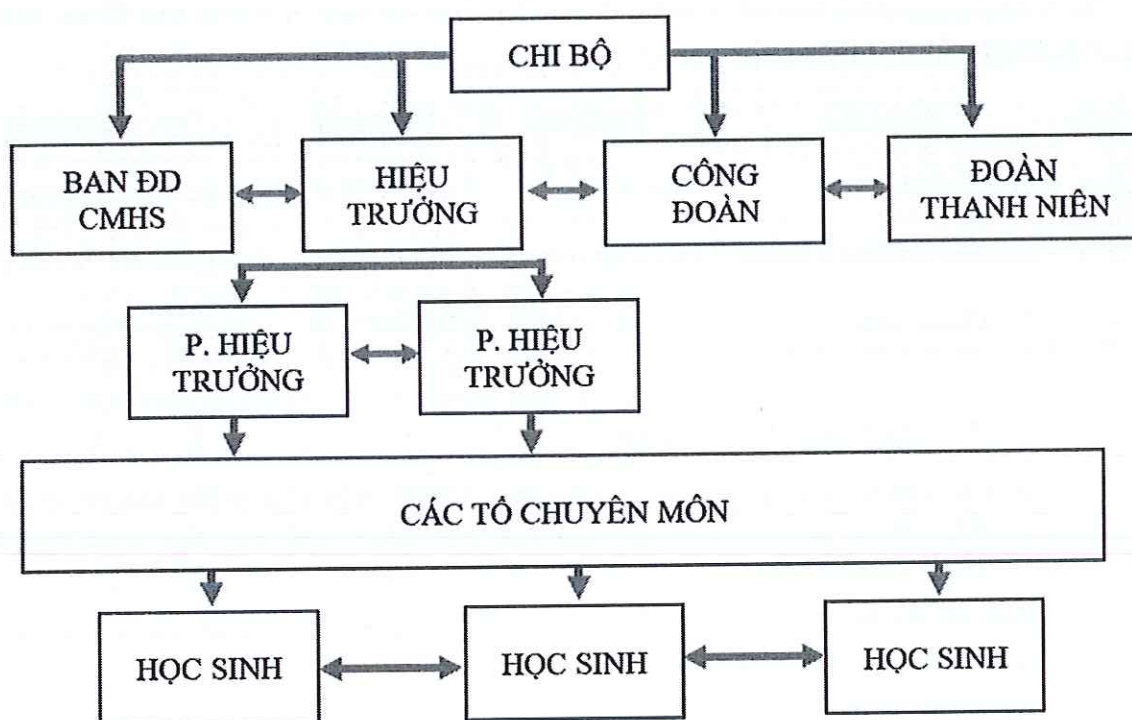
Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.3. Cơ cấu tổ chức của trường THPT Trần Quang Khải

Cơ cấu tổ chức của trường THPT Trần Quang Khải bao gồm:

- 01 Hội đồng trường gồm: 15 thành viên;
- 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng;
- 01 Hội đồng thi đua, khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo điều lệ nhà trường);
- Hội đồng sáng kiến;

Sơ đồ tổ chức:



Các tổ chuyên môn: 13 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng:

1. Tổ Toán: gồm 17 giáo viên (14 trình độ ĐH, 3 trình độ thạc sĩ)
2. Tổ Văn: gồm 15 giáo viên (10 trình độ ĐH, 05 trình độ thạc sĩ)
3. Tổ Vật lý: gồm 10 giáo viên (08 trình độ ĐH, 02 trình độ thạc sĩ)
4. Tổ Hóa: gồm 09 giáo viên (06 trình độ ĐH, 03 trình độ thạc sĩ)

5. Tổ Ngoại ngữ: gồm 14 giáo viên (12 trình độ ĐH, 02 trình độ thạc sĩ)
6. Tổ Sử: gồm 07 giáo viên (06 trình độ ĐH, 01 trình độ thạc sĩ)
7. Tổ Địa: gồm 04 giáo viên (02 trình độ ĐH, 02 trình độ thạc sĩ)
8. Tổ GDCD: gồm 04 giáo viên (03 trình độ ĐH, 01 trình độ thạc sĩ)
9. Tổ Tin học: gồm 07 giáo viên (05 trình độ ĐH, 02 trình độ thạc sĩ)
10. Tổ Sinh: gồm 07 giáo viên (04 trình độ ĐH, 03 trình độ thạc sĩ)
11. Tổ ANQP: gồm 04 giáo viên (02 trình độ ĐH, 2 trình độ thạc sĩ)
12. Tổ Công nghệ: gồm 04 giáo viên (04 trình độ ĐH)
13. Tổ Thể dục: gồm 07 giáo viên (06 trình độ ĐH, 01 trình độ thạc sĩ)
14. Tổ VP: gồm 07 nhân viên (03 trình độ ĐH, 04 trình độ trung cấp)

03 Khối trưởng chủ nhiệm; 01 nhóm trưởng Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; 01 nhóm trưởng môn Giáo dục địa phương.

Lớp học: 53 lớp học.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Tấn Tài	Hiệu trưởng	0909812116	tantaipvs@gmail.com
2	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Phó Hiệu trưởng	0937572848	hoangthanh1978vn@gmail.com
3	Phan Khôi Long	Phó Hiệu trưởng	0767619228	khoilongphan@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Quang Khải, 343D Lạc Long Quân, Phường 05, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 16/TQK 2020 ngày 19 tháng 2 năm 2020 kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Trần Quang Khải giai đoạn 2020-2025;

Quy chế dân chủ cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 212/QĐ-TKQ ngày 28 tháng 10 năm 2023 về việc ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục trường năm học 2023-2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm

Stt	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được phê duyệt	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1		1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2			
II.	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành							
2.1	Giáo viên trung học phổ thông hạng I	11						
2.2	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	55						
2.3	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	48		109	109			
2.4	Thiết bị, thí nghiệm	1		1	1			
2.5	Giáo vụ	1		1	1			
2.6	Tư vấn học sinh	1						
2.7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1						
III.	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung							
3.1	Thư viện viên hạng I	1						
3.2	Thư viện viên hạng II							
3.3	Thư viện viên hạng III			1	1			
3.4	Thư viện viên hạng IV							
3.5	Công nghệ	1						



	thông tin hạng II							
3.6	Công nghệ thông tin hạng III							
3.7	Công nghệ thông tin hạng IV			1	1			
3.8	Kế toán viên chính	1						
3.9	Kế toán viên							
3.10	Kế toán viên trung cấp			1	1			
3.11	Chuyên viên thủ quỹ	1						
3.12	Cán sự thủ quỹ			1	1			
3.13	Nhân viên thủ quỹ							
3.14	Văn thư viên chính	1						
3.15	Văn thư viên			1	1			
3.16	Văn thư viên trung cấp							
3.17	Y tế học đường	1		1	1			
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ							
4.1	Nhân viên Bảo vệ		4	4				4
4.2	Nhân viên Phục vụ		4	5				5

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú (Đang học ThS)
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	T C C N	Dưới TCC N	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	136									
I	Giáo viên	110			0	27	82	0	0	0	
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1.	Toán	17			0	3	14	0	0	0	
2.	Ngữ văn	15			0	5	10	0	0	0	
3.	Lý	10			0	2	8	0	0	0	
4.	Hóa	9			0	3	6	0	0	0	
5.	Sinh	7			0	3	4	0	0	0	
6.	Công nghệ	4			0	0	4	0	0	0	
7.	Tin học	7			0	2	5	0	0	0	
8.	Lịch sử	7			0	1	6	0	0	0	
9.	Địa lý	4			0	2	2	0	0	0	
10.	GDCD	4			0	1	3	0	0	0	
11.	Tiếng Anh	14			0	2	12	0	0	0	
12.	ANQP	4			0	2	2	0	0	0	
13.	Thể dục	7			0	1	6	0	0	0	
II	Cán bộ quản lý	3			0	3	0	0	0	0	
1	Hiệu trưởng	1			0	1	0	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2			0	2	0	0	0	0	
III	Nhân viên	23			0	0	8	1	6	8	
1.	Nhân viên văn thư	1			0	0	0	0	1	0	
2.	Nhân viên kế toán	2			0	0	2	0	0	0	
3.	Thủ quỹ	1			0	0	0	0	1	0	
4.	Nhân viên y tế	1			0	0	0	0	1	0	



STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú (Đang học ThS)
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	T C C N	Dưới TCC N	
5.	Nhân viên thư viện	1			0	0	1	0	0	0	
6.	Nhân viên học vụ	1			0	0	1	0	0	0	
7.	Nhân viên công nghệ thông tin	1			0	0	0	0	1	0	
8.	Nhân viên quản lý học sinh	5			0	0	3	1	1	0	
9.	Nhân viên bảo vệ	4			0	0	1	0	0	3	
10.	Nhân viên phụ vụ	5			0	0	0	0	0	5	
11.	Nhân viên thiết bị	1			0	0	0	0	1	0	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Đơn vị	Tổng số viên chức năm 2024	Số lượng viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp								Ghi chú
			CDNN Hạng I và tương đương	Tỷ lệ %	CDNN Hạng II và tương đương	Tỷ lệ %	CDNN Hạng III và tương đương	Tỷ lệ %	CDNN Hạng IV và tương đương	Tỷ lệ %	
1	VTVL lãnh đạo, quản lý	3	0	0	1	33,3%	2	66,7%	0	0	
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	109	0	0	0	0	109	100%	0	0	
Tổng		112	0	0%	1	0,9%	111	99,1%	0	0%	

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

Stt	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Diện tích khu đất xây dựng trường (m ²)	8955,8	8955,8
2	Bình quân lớp / phòng học	1 lớp/phòng 65m ² /phòng	1 lớp/phòng 65m ² /phòng
3	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh	48 hs/phòng 1.40m ² /hs	45 hs/phòng 1.44m ² /hs
4	Số lượng khối phòng hành chính quản trị	12 phòng	12 phòng
5	Số lượng khối phòng học tập	55 phòng (65 m ²)	52 phòng (65 m ²)
6	Số lượng khối phòng hỗ trợ học tập		
6.1	Phòng bộ môn	8 phòng (112 m ²)	8 phòng (112 m ²)
6.2	Phòng thư viện	01 (150 m ²)	01 (150 m ²)
7	Khu sân chơi, thể dục thể thao (m ²)	3159	3159
8	Khối phụ trợ		
8.1	Tivi, máy tính	38	19
8.2	Máy chiếu	03	03
8.3	Hệ thống âm thanh lớp học	55	52
8.4	Hệ thống âm thanh sân trường	01	01
8.5	Nhà vệ sinh giáo viên (đạt chuẩn)	08	08
8.6	Nhà vệ sinh học sinh (Nam/Nữ) đạt chuẩn	10	10
9	Khối phục vụ sinh hoạt (phòng nghỉ học sinh bán trú)	30	30
10	Phòng nghỉ giáo viên	03	03
11	Hạ tầng kỹ thuật (Tốc độ Internet)	5 line cab quang 20 Mbps 35 camera	5 line cab quang 20 Mbps 35 camera

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

Stt	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Cơ sở chính	343D Lạc Long Quân Phường 05, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	8995,8	7849

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

Stt	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Trang bị mái che sân trường	Sân trường	Xã hội hóa
3	Trang bị mái che sân khấu	Sân trường	Xã hội hóa
4	Trang bị Tivi, máy tính, loa cho lớp học	Lớp học	Xã hội hóa
5	Trang bị bảng điện tử	Sân khấu – Sân trường	Xã hội hóa
6	Nâng cấp nhà thi đấu	Nhà thi đấu	Xã hội hóa

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: báo cáo số 138/BC-TQK ngày 15 tháng 5 năm 2024 về báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: kế hoạch số 290/KH-TQK ngày 07 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng trường THPT Trần Quang Khải về kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Trường THPT Trần Quang Khải được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 từ ngày 13/6/2022 và có giá trị 05 năm.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: báo cáo số 138/BC-TQK ngày 15 tháng 5 năm 2024 về báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: kế hoạch số 290/KH-TQK ngày 07 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng trường THPT Trần Quang Khải về kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

Kết quả tuyển sinh:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS Nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	906	20	452	139	16
11	710	17	342	112	11
12	733	16	346	123	10
Tổng	2359	53	1140	374	37

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
10	916	0	11
11	716	0	6
12	739	0	6
Tổng	2371	0	23

2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Khối 10, 11:

Đánh giá kết quả rèn luyện (đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lớp	TSHS/Nữ	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	906/452	718	79.25%	155	17.11%	33	3.64%	0	0%
11	702/342	627	89.32%	57	8.12%	16	2.28%	2	0.28%
Tổng	1608/794	1345	83.64%	212	13.18%	49	3.05%	2	0.12%

Kết quả học tập: (đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lớp	TSHS/Nữ	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	906/452	28	3.09%	460	50.77%	404	44.59%	14	1.55%
11	702/342	44	6.27%	378	53.85%	271	38.60%	9	1.28%
Tổng	1608/794	72	4.48%	1,316	81.84%	821	51.06%	25	1.55%

Khối 12:

Đánh giá kết quả hạnh kiểm (Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lớp	TSHS/Nữ	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
12	733/346	686	93.59	38	5.18	9	1.23	0	0
Tổng	733/346	686	93.59	38	5.18	9	1.23	0	0

Kết quả học lực: (Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lớp	TSHS/Nữ	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
12	733/346	107	14.6	478	65.21	146	19.92	2	0.27	0	0
Tổng	733/346	107	14.6	478	65.21	146	19.92	2	0.27	0	0

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học, cao đẳng:

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình:

Năm học 2022-2023: 737.

Năm học 2023-2024: 733.

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2022-2023: 724.

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2022-2023: 728.

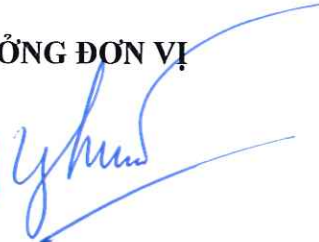
- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp cad đại học, cao đẳng:

Khoảng 65%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Phụ lục đính kèm.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



 Nguyễn Tấn Tài